

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-PT

Ngày 08-12- 2021

Về “Tranh chấp hợp đồng thuê
khoán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Nguyễn Anh Ứng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hải Thịnh, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2021/QĐPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N (Kỳ); địa chỉ: Thôn 13, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H4 - là Luật sư của Công ty Luật TNHH Hải Anh và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư TP Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường Chu Văn An, khối 2, thị trấn K, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Trịnh Thị H2; địa chỉ: Thôn 13, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Ngày 08-4-2018 (âm lịch), bà và bà H có làm giấy thuê vườn, đất có chữ ký của bà H và bà N với nội dung bà N nhận diện tích đất rẫy 3,3 ha của bà H, trên đất có trồng tiêu, cà phê, sầu riêng và 1 ít đất trống để chăm sóc và trồng cà phê trên diện tích đất còn trống. Năm đầu bà N phải giao sản phẩm cho bà H 03 tấn cà phê nhân, còn 04 năm sau mỗi năm 04 tấn cà phê nhân, thời hạn giao vào tháng 11 âm lịch hàng năm. Sầu riêng thì cho bà thu hoạch 03 năm đầu, đến năm thứ 4, 5 phải giao $\frac{1}{2}$ sản lượng thu được, bên nào sai phải chịu phạt 100.000.000 đồng.

Tại thời điểm nhận thì vườn cây xấu, do không chăm sóc, bón phân, tưới nước. Sau đó, bà H mua 1.000 cây cà phê giống để bà N trồng thêm. Bà cùng với anh H1, chị H2 cùng bỏ phân, trồng cây và chăm sóc. Tuy nhiên, năm đầu do cà phê xấu, phải thuê công hái nên chỉ giao được 2,5 tấn, còn lại 0,5 tấn xin nợ lại và được bà H đồng ý.

Tháng 5/2019 âm lịch, bà H lấy lại đất rẫy trước thời hạn nhưng không thông báo trước cho bà biết. Bà H lấy lý do bảo anh H1, chị H2 chặt bỏ mấy cây bông gòn trong vườn nhưng không chặt và cho rằng bà N giao không đủ sản lượng. Ngày hôm sau bà H báo Công an tới giải quyết yêu cầu gia đình bà trả lại vườn nhưng bà không đồng ý. Bà cho rằng nếu bà trả lại vườn thì bà H phải trả lại tiền phân bón, thuốc sâu cho bà. Sau đó Công an xã mời bà lên làm việc yêu cầu bà ký biên bản nhưng bà không ký. Bà H về cắt hết điện, nước và kêu thêm người đến tạo áp lực buộc bà trả lại vườn. Ngày 17-5-2019, bà không làm vườn của bà H nữa, nhưng bà H cũng không trả lại tiền chi phí đầu tư vào vườn rẫy. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà H phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường lợi nhuận thu được trong 04 năm, công sức cải tạo vườn và tiền phân bón đã đầu tư tổng cộng là 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện về lợi nhuận dự kiến thu được từ năm 2020 đến 2022 là 300.000.000 đồng, chỉ yêu cầu buộc bà H trả tiền phạt vi phạm hợp đồng 100.000.000 đồng, bồi thường lợi nhuận dự kiến thu được năm 2019 là 100.000.000 đồng, công cải tạo vườn, tiền đầu tư phân bón tổng cộng là 300.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 3,3ha, tọa lạc tại thôn 4, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông. Do không làm được nên cho bà Lê Thị N thuê, bà N cùng với anh H1, chị H2 (là con rể là con gái) cùng làm.

Ngày 08-4-2018 (âm lịch), hai bên làm giấy thuê vườn, đất và giao cho bà N 800 trụ tiêu giống trồng năm 2012 đang cho thu hoạch. Theo thỏa thuận bà N sẽ giao sản lượng vào tháng 11 âm lịch, năm đầu (2018) bà H cho bà N thu tiêu, còn cà phê bà N phải giao cho bà H 03 tấn cà phê nhân, các năm sau đó mỗi năm giao 04 tấn cà phê nhân; sầu riêng thì cho thu hoạch 03 năm đầu, đến năm thứ 4, 5 bà N phải giao $\frac{1}{2}$ sản lượng thu được. Hạn hợp đồng là ngày 15-4-2023 bà N phải trả lại vườn rẫy, ai sai thì phải chịu phạt 100.000.000 đồng.

Khi giao vườn bà đã cắt cành cà phê, xịt cỏ, trước đây mỗi năm bà thu hoạch từ 9 đến 10 tấn cà phê. Sau khi lập hợp đồng, bà đã giao vườn cho bà N quản lý, anh H1 và chị H2 là người trực tiếp chăm sóc vườn nhưng không làm đúng trách nhiệm, không cắt cành, làm cỏ, vét bồn, không bón phân chuồng làm ảnh hưởng cây trồng, hồ tiêu và 200 cây sầu riêng trồng năm 2017 bị chết gần hết chỉ còn lại ít cây. Tháng 6-2018, bà mua 1000 cây cà phê giống, phân bón và thuê người đào hố sẵn để bà N, anh H1 và chị H2 trồng. Tuy nhiên, sau khi trồng do chăm sóc không đúng cách nên cây bị chết, còn lại khoảng 30% cây sống. Tháng 11-2018 (âm lịch) bà N chỉ giao sản lượng cho bà được 2.430 kg cà phê, còn nợ lại 570kg cà phê, bà đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nhưng vẫn không trả.

Đến khoảng tháng 5-2019, bà thấy vườn cây bị xuống cấp, cây trồng xấu nên bà yêu cầu bà N trả lại vườn nhưng bà N không trả mà cùng với chị H2, anh H1 ra tranh cãi, nên bà phải báo với Công an xã đến lập biên bản về việc lấy lại vườn cây. Sau khi lấy lại, bà đã nhổ một số trụ tiêu bị chết, còn lại không đáng kể. Nay bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà số sản lượng còn thiếu là 570kg cà phê nhân và 100.000.000 đồng phạt do vi phạm hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Chị Trịnh Thị H2 là con gái của bà N, anh Nguyễn Văn H1 là người làm công cho bà N. Tháng 4-2018 âm lịch bà N ký hợp đồng thuê vườn rẫy với bà Phạm Thị H thì có gọi anh H1 và chị H2 đến làm từ ngày nhận rẫy đến ngày bà H lấy lại rẫy. Bà N thỏa thuận sẽ trả công cho H1 1 ngày 180.000 đồng, nhưng từ tháng 4-2018 đến tháng 5-2019 và N chưa trả. Theo thỏa thuận thì công việc của anh H1 là chăm

sóc vườn cây, cắt cành, làm cỏ, bón phân, tưới nước, xịt thuốc sâu, đào hố trồng cà mới, hái cà v.v... Tháng 6-2018 bà H mua khoảng 1.000 cây cà phê về trồng, chị H2 là người đi mua phân bón tại đại lý Thành M, S Nhung. Bà H thuê người đào 200 hố cà phê, còn lại 800 hố do H1 đào, lý do cây chết nhiều là do bà H mua giống cây cà phê không tốt, anh H1 làm đúng nhiệm vụ được bà N giao. Lúc nhận vườn chỉ còn khoảng 250 cây tiêu còn sống, khi trả vườn thì tiêu vẫn còn nguyên không phải như lời khai của bà H. Năm 2018 bà N thu được 5,5 tấn cà phê nhân, 01 tạ tiêu, 1.700.000 đồng tiền sâu riêng. Bà N đã trả cho bà H 2,5 tấn, còn 0,5 tấn do đầu tư quá nhiều vào vườn rẫy nên chưa trả được. Sau này anh H2 có đem tiền đến trả cho bà H nhưng bà không nhận.

- Người làm chứng chị Trương Thị S (đại lý S N) trình bày:

Quá trình kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thu mua nông sản từ năm 2015 đến nay chị có bán cho bà N và chị Trịnh Thị H2 (con gái bà N) phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các lần mua chị H2 là người ký tên vào hóa đơn mua hàng. Từ ngày 08-7-2018 đến ngày 17-9-2018 bà N và chị H2 mua tổng số tiền là 52.000.000 đồng. Tháng 12-2018, chị H2 đã trả được 15.000.000 đồng, hiện còn nợ 37.000.000 đồng. Chị S cho biết, ngoài rẫy bà N thuê của bà H ra thì bà N còn có nhà và 01 thửa đất rẫy nhỏ tại thôn 13, xã Đ, huyện Đ1.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị M (đại lý T M) trình bày:

Ngày 24-3-2019 và ngày 20-5-2019 chị H2 có mua phân NPK, đạm, thuốc trừ sâu tại đại lý của bà, còn năm 2018 chị H2 mua mấy đợt thì bà không nhớ, hiện còn nợ lại 42.750.000 đồng. Bà nghe chị H2 nói mua phân bón, thuốc trừ sâu về chăm sóc rẫy thuê của bà H, còn thực tế sử dụng như thế nào thì bà không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc bà Phạm Thị H trả cho bà Lê Thị N (K) chi phí đầu tư, chăm sóc cây trồng trên 3,3ha đất theo Hợp đồng giao khoán ngày 08-4-2018 (âm lịch) trong 165 ngày đầu năm 2019 số tiền 86.664.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc buộc bà Phạm Thị H trả 100.000.000 đồng tiền phạt vi phạm Hợp đồng và 100.000.000 đồng tiền lợi nhuận dự kiến thu được năm 2019.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về yêu cầu bà Phạm Thị H trả 300.000.000 đồng tiền lợi nhuận dự kiến thu được từ năm 2020 đến năm 2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18-10-2021 bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc bà trả bất kỳ chi phí nào cho bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày những nội dung như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê khoán với bà N nhưng không báo trước cho bên thuê một thời gian hợp lý là vi phạm khoản 1 Điều 492 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ký hợp đồng thuê khoán, bà H giao rẫy cho bà N quản lý nhưng không lập biên bản đánh giá tình trạng tài sản và xác định giá trị tài sản thuê khoán theo quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự. Trong quá trình nhận khoán, bà N và anh H1, chị H2 cùng nhau chăm sóc dưới sự hướng dẫn của bà N nên vườn cây vẫn xanh tốt. Do năm đầu sản lượng cà phê thu được ít, bà N phải đầu tư nhiều để mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để chăm sóc vườn cây, nên sản lượng giao cho bà H còn thiếu 0,5 tấn cà phê theo hợp đồng hai bên đã thỏa thuận.

Sau khi bà H lấy lại rẫy cũng không lập biên bản đánh giá tình trạng tài sản, nên việc bà H cho rằng do bên thuê khoán không chăm sóc và trồng cây đúng cách, không vét hố, cắt cành nên cây cà phê trồng mới và tiêu bị chết nhiều, cà phê xấu. Tuy nhiên, bà H cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, bản án cấp sơ thẩm xét xử là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

[1.2]. Ngày 30/11/2021, bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn H1 và chị Trịnh Thị H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết bà N và bà H đều thừa nhận vào ngày 08-4-2018 (âm lịch), bà N và bà H có ký hợp đồng giao khoán tài sản (giấy thuê vườn, đất) với nội dung bà N nhận diện tích đất rẫy 3,3 ha của bà H, trên đất có trồng tiêu, cà phê, sầu riêng và còn 1 ít đất trống để chăm sóc và trồng cà phê. Năm đầu bà N phải giao sản phẩm cho bà H 03 tấn cà phê nhân, còn 04 năm sau mỗi năm 04 tấn cà phê nhân, thời hạn giao vào tháng 11 âm lịch hàng năm. Sầu riêng thì cho bà thu hoạch 03 năm đầu, hai năm sau bà N phải giao cho bà H $\frac{1}{2}$ sản lượng thu được, bên nào sai phải chịu phạt 100.000.000 đồng (BL 24). Như vậy, việc các bên ký kết hợp đồng giao khoán tài sản là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật được quy định tại các Điều 483, 484, 485, 486, 488 của Bộ luật dân sự.

[2.1]. Quá trình thực hiện, bà N cùng với con gái là Trịnh Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 cùng nhau chăm sóc, thu hoạch, trồng cây. Năm 2018 bà N thu hoạch được 5,5 tấn cà phê, trả cho bà H 2.430kg, còn nợ lại 570 kg cà phê nhân. Bà N cho rằng việc nợ lại sản lượng cà phê được bà H chấp nhận, nhưng bà cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là vi phạm khoản 4 Điều 488 của Bộ luật dân sự.

[2.2]. Bà H cho rằng do bên thuê chăm sóc không đúng cách làm cây chết nhiều và không phủ kín cà phê như đã thỏa thuận thì cũng không có chứng cứ chứng minh, bởi vì khi giao tài sản thuê khoán các bên không lập biên bản đánh giá tình trạng tài sản và xác định giá trị tài sản thuê khoán theo quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự, nên khi đơn phương chấm dứt hợp đồng không có căn cứ để đối chiếu tài sản tại thời điểm giao và thời điểm nhận lại.

[2.3]. Tháng 5/2019, bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê khoán tài sản mà chỉ thông báo cho bà N vào tối ngày hôm trước, đến chiều ngày hôm sau do có sự cãi nhau nên mời công an đến làm việc và lấy lại rẫy không cho bà N làm (BL 78) là vi phạm khoản 1 Điều 492 của Bộ luật dân sự.

Tại khoản 1 Điều 492 của Bộ luật dân sự quy định: 1. “*Trường hợp một bên đương phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì phải báo trước cho bên kia biết*

trước một thời gian hợp lý; nếu thuê khoán theo thời vụ hoặc theo chu kỳ khai thác thì thời hạn báo trước phải phù hợp với thời vụ hoặc chu kỳ khai thác”.

Như vậy, bà H báo trước cho bà N thời gian rất ngắn là không đảm bảo chu kỳ khai thác nông sản cà phê, việc thu hoạch cà phê thường vào khoảng tháng 10, tháng 11 hàng năm. Do đó, bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê khoán tài sản đã vi phạm thời hạn báo trước quy định tại khoản 1 Điều 492 của Bộ luật dân sự đã viện dẫn ở trên. Do đó, lỗi dẫn đến việc bà H đơn phương chấm dứt hợp đồng là do lỗi hỗn hợp, mức độ lỗi ngang nhau, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận việc phạt hợp đồng là phù hợp.

[3]. Đối với yêu cầu của bà N về việc buộc bà H hoàn trả phần công sức cải tạo vườn, tiền phân bón đã đầu tư chưa được thu hoạch. Quá trình giải quyết, chị H2 cung cấp 06 H đơn mua phân bón, thuốc trừ sâu tại đại lý S Nhung và đại lý Thành M với tổng số tiền là 94.760.000 đồng. Do không có căn cứ xác định toàn bộ phân bón, thuốc trừ sâu chị H2 mua đều về bón và phun tại thửa đất nhận thuê khoán, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quyết định số 51/QĐ-HĐTV ngày 15/3/2019 về việc phê duyệt dự toán chi phí đầu tư cà phê năm 2019 của Tổng Công ty cà phê Việt Nam, với mức chi phí đầu tư cây cà phê chăm sóc năm thứ hai là 58.094.499 đồng/ha/năm, để buộc bà H phải trả cho bà N tương ứng với thời gian đầu tư, chăm sóc là 05 tháng 15 ngày đầu năm 2019 với số tiền 86.664.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà H là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Đối với 570kg cà phê nhân mà bà Lê Thị N còn nợ nhưng không đồng ý trả do bà H vi phạm cam kết trong hợp đồng, bà H có đơn phản tố nhưng nộp sau phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ, nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là đúng pháp luật. Bà H có quyền khởi kiện bà N bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 483, Điều 484, Điều 485, Điều 486, Điều 488, Điều 492 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho bà Lê Thị N (K) chi phí đầu tư, chăm sóc cây trồng trên 3,3ha đất theo Hợp đồng giao khoán ngày 08-4-2018 (âm lịch) trong 165 ngày đầu năm 2019 là 86.664.000đ (*Tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc buộc bà Phạm Thị H trả 100.000.000 đồng tiền phạt vi phạm Hợp đồng và 100.000.000 đồng tiền lợi nhuận dự kiến thu được năm 2019.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về yêu cầu bà Phạm Thị H trả 300.000.000 đồng lợi nhuận dự kiến thu được từ năm 2020 đến năm 2022.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải nộp 4.333.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Bà Lê Thị N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai

số: 0004525 ngày 18-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị H phải chịu 2.200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do bà Lê Thị N đã nộp tiền tạm ứng 3.000.000 đồng, nên bà H phải trả cho bà N 2.200.000 đồng. Trả lại cho bà Lê Thị N 800.000 đồng nhận tại Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thị Thông